

Bản án số: 46/2022/HS-ST

Ngày 31 tháng 8 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hòa - Nguyên là giáo viên

2. Ông Lương Ngọc Biên - Nguyên cán bộ đoàn

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà:
Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Đình N, sinh năm 1997, tại tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: không; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn H, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình B (đã chết) và bà Vũ Thị H, sinh năm 1976; vợ con: chưa có. Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 16/9/2021, UBND xã Đ, huyện Lục Nam quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng. Nhân thân: Bản án số 09/2017/HSST, ngày 11/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 06 tháng về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

2. Họ tên: **Nguyễn Đức Á**, sinh ngày 10/9/2004, tại tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: không; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn X, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1981 và bà Trần Thị L, sinh năm 1981; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện tại ngoại. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Đức Á: Bà Trần Thị L, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Á: Luật sư Trần Văn Điệp - Thuộc công ty Luật TNHH Minh Anh, địa chỉ: Tổ 14, Khu H, phường Y, quận H, thành

phố Hà Nội.

- **Đại diện đoàn thanh niên xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang:** Bà Phạm Nhật Q, chức vụ: Bí thư đoàn thanh niên xã B. (Vắng mặt).

- **Bị hại:**

1. Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1998, địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

2. Anh Vương Tiến D, sinh ngày 25/3/2006, địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho Vương Tiến D: Ông Vương Văn L, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Thân Văn H, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn Th, xã M, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

2. Anh Đình Xuân Kh, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Ng, xã Ngh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

3. Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

4. Ông Vương Văn L, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

5. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1976, địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

- **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/10/2006, địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho Nguyễn Văn H: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình N, sinh năm 1997 ở thôn H, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Đức Á, sinh ngày 10/9/2004 ở thôn X, xã B, huyện Lục Nam là bạn bè qua mối quan hệ xã hội và đều không có nghề nghiệp ổn định, do chơi bời nợ nần nên Nguyễn Đình N nảy sinh ý định lừa mượn xe mô tô của người khác mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 09/4/2022 đến ngày 14/4/2022 Nguyễn Đình N đã thực hiện 02 vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trên địa bàn huyện Lục Nam và huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, trong đó có 01 vụ thực hiện cùng Nguyễn Đức Á cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 09/4/2022, Nguyễn Đình N gọi điện thoại cho anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1998 ở thôn K, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là bạn bè quen biết, N giả vờ hỏi mượn xe mô tô của anh Q đi có việc, sau đó sẽ mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Do tin tưởng N là bạn bè nên anh Q đồng ý, điều khiển xe mô tô Honda, loại xe Airblade màu sơn trắng- đỏ- đen BKS 98G1-020.82 đến rìa đường thôn H, xã C, huyện Lục Nam gặp N. Anh Q

nói cho N mượn xe 30 phút sau đó phải mang về trả, đồng thời giao xe mô tô của mình cho N mượn. Sau khi mượn được xe, N điều khiển xe mô tô đi thẳng đến quán bia ở thị trấn N, huyện Việt Yên do anh Thân Văn H, sinh năm 1995 ở thôn Th, xã M, huyện Việt Yên làm chủ. N nói xe mô tô BKS 98G1-020.82 của N và đặt vấn đề cầm cố chiếc xe cho anh H thì anh H đồng ý cầm cố chiếc xe cho N với số tiền 4.000.000 đồng, cắt lãi trước 200.000 đồng và đưa cho N 3.800.000 đồng. Số tiền có được N đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 20/4/2022 anh Hoàng Văn Q có đơn trình báo cơ quan Công an. Quá trình làm việc Nguyễn Đình N tự nguyện khai báo toàn bộ nội dung vụ án như đã nêu ở trên.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 98G1-020.82, theo anh Thân Văn H khai, khoảng 02 ngày sau khi nhận cầm cố thì Lê Văn T là người đi cùng với N đến cầm cố chiếc xe trên đến gặp anh H và đề nghị chuộc lại chiếc xe mô tô trên với số tiền 4.000.000 đồng, anh H đồng ý và giao lại chiếc xe mô tô trên cho T. Quá trình điều tra Lê Văn T không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm chiếc xe mô tô BKS 98G1-020.82 của anh Q nhưng chưa tìm được.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 11/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade màu sơn trắng- đỏ- đen BKS 98G1-020.82 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là: 17.510.000 đồng.

Vụ thứ 2: Nguyễn Đình N và Nguyễn Đức Á, sinh ngày 10/9/2004 ở thôn X, xã B, huyện Lục Nam là bạn bè qua mối quan hệ xã hội. Khoảng 15 giờ ngày 14/4/2022, Á nhắn tin cho N hỏi vay tiền thì Ninh bảo đang nợ nần nhiều nên không có tiền cho vay. Á nhắn tin lại hỏi N có dám “làm liều” không, Á bảo người điều khiển xe mô tô đến đón N, sau đó N giả vờ mượn xe để mang đi cầm cố thì N đồng ý. Sau đó Á gọi một số người bạn đến đón N nhưng không gọi được cho ai. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày do cần tiền chi tiêu nên N tiếp tục nhắn tin hỏi Á có mượn được xe không mượn hộ N. Do đã bàn bạc từ chiều nên Á hiểu ý là bảo người đến đón N, sau đó Ninh sẽ lừa mượn xe mang đi cầm cố. Á đồng ý và nhắn tin cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2006 ở thôn Đ, xã V, huyện Lục Nam nhờ anh H đón N và nhắn tin cho anh H số điện thoại của N để liên lạc thì anh H đồng ý. Anh H tiếp tục nhắn tin cho anh Vương Tiến D, sinh ngày 25/3/2006 ở thôn H, xã V, huyện Lục Nam nhờ anh D đón anh H và N thì anh D đồng ý. Sau đó anh D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S màu sơn đen- xám BKS 98B1-070.77 chở anh H đến thôn Đ, xã C, huyện Lục Nam đón N. Khi gặp nhau N bảo với anh D giao xe mô tô cho N điều khiển thì anh D đồng ý. Ninh điều khiển xe mô tô chở anh D và anh H đến khu vực cây Đa đầu thôn Ch, xã N, huyện Yên Dũng thì dừng lại và bảo anh D và anh H đợi để N đi mua đồ thì anh D đồng ý. Sau khi mượn được xe Ninh điều khiển xe mô tô đến cửa hàng mua bán xe máy ở thôn N, xã N, huyện Yên Dũng gặp anh Đinh Văn Kh, sinh năm 1993 ở thôn Ng, xã Ngh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (là chủ cửa hàng) nói với anh Kh là xe mô tô của N và đặt vấn đề cầm cố chiếc xe trên, anh Kh đồng ý cầm cố

chiếc xe trên cho N với giá 4.000.000 đ, cắt lãi trước 400.000 đồng và đưa cho N 3.600.000 đồng. Toàn bộ số tiền có được N đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Đối với anh D, và anh H, sau khi cho N mượn xe nhưng sau đó không thấy N quay lại đón, điện thoại nhưng N không trả lời, anh dừng, và anh H đi về, sau đó điện thoại cho ánh thì được ánh cho biết đã cấm xe rồi, nên anh D đã làm đơn trình báo.

Ngày 15/4/2022, biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện và đang bị điều tra nên N đến Công an huyện Yên Dũng đầu thú và giao nộp: 01 điện thoại di động Iphone 5s.

Ngày 15/4/2022, anh Đinh Văn Khtự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô BKS 98B1-070.77 cho Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Dũng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 24 ngày 20/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S màu sơn đen- xám BKS 98B1-070.77 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là: 2.500.000 đồng.

Đối với Nguyễn Đức Á là đối tượng biết việc Nguyễn Đình N nhờ gọi người đến đón, sau đó N sẽ lừa mượn xe mang đi cầm cố, nhưng Á vẫn tiếp tục nhắn tin cho anh Nguyễn Văn H để đón Ninh mục đích để cho N thực hiện được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy, hành vi của Nguyễn Đức Á là đồng phạm với Nguyễn Đình N với vai trò là người giúp sức.

Đối với Lê Văn T, quá trình điều tra T không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra đã tách hành vi của T ra để tiếp tục xác minh làm rõ.

Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S màu sơn đen- xám BKS 98B1-070.77 của ông Vương Văn L (là bố đẻ anh Vương Tiến D), ngày 01/5/2022, Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Dũng đã trả lại chiếc xe trên cho ông L theo quy định.

Đối với điện thoại di động Iphone 5s của Nguyễn Đình N được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng để xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bà Vũ Thị Th (bác ruột N) đã trả anh Đinh Xuân Kh số tiền 3.600.000 đ, đến nay anh Kh không có yêu cầu gì về vấn đề dân sự. Anh Vương Tiến D và anh Hoàng Văn Q không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Đình N và Nguyễn Đức Á đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKSYD ngày 02/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đình N và Nguyễn Đức Á về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

+ Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, các bị cáo không bị oan.

+ Người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Trần Thị L trình bày: Bị cáo thường ngày vẫn đi làm cùng công ty với bà, việc bị cáo phạm tội gia đình không biết, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Th, bà Vũ Thị H có mặt trình bày: Số tiền các bà bỏ ra để bồi thường thay cho bị cáo được bị cáo tác động, bà không có yêu cầu gì đối với bị cáo

- Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp cho bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt nhất trí và không có ý kiến gì.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình N từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/4/2022.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, 91 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức Á từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Giao bị cáo cho UBND xã, phường nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Về hình phạt bổ sung: Không hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

4. Về vật chứng: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 5s của bị cáo Nguyễn Đình N.

5. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo Á trình bày: Về tội danh đồng ý với truy tố của Viện kiểm sát, đồng ý với những tình tiết giảm nhẹ Viện kiểm sát đã áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 và khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Ánh.

+ Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Á đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Á.

+ Sau khi tranh luận đại diện Viện kiểm sát huyện Yên Dũng nhất trí với ý kiến của luật sư áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn cho bị cáo Ánh theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không nhất trí áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Ánh.

Các bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì, bị cáo Á nhất trí với bài bào chữa của Luật sư, bị cáo N nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng về tội danh cũng như hình phạt. Lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Dũng và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng như Điều tra viên và Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Xét về tội danh của các bị cáo thì thấy: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong các ngày 09/4/2022 và 14/4/2022, trên địa bàn huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và địa bàn huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Đình N và Nguyễn Đức Á đã thực hiện lừa đảo chiếm đoạt 02 xe mô tô của các anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1998 ở thôn K, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và Vương Tiến D, sinh ngày 25/3/2006 ở thôn H, xã V, huyện Lục Nam. Trong đó: Nguyễn Đình N thực hiện 02 vụ, lừa đảo chiếm đoạt 02 xe mô tô tổng trị giá 20.010.000 đồng. Nguyễn Đức Á thực hiện 01 vụ cùng Nguyễn Đình N, lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô trị giá 2.500.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi được 01 xe mô tô trị giá 2.500.000 đồng để trả lại người bị hại. Tài sản chưa thu hồi được là 01 xe mô tô trị giá 17.510.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Trong vụ án có hai bị cáo cùng thực hiện một tội phạm nhưng không có sự phân công và cấu kết chặn chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, do vậy đây là vụ án đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn.

[4]. Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Bị cáo N là người có vai trò chính, khi bị cáo Á đề xuất việc phạm tội, bị cáo N đồng ý và thực hiện hành vi lừa đảo sau đó bị cáo cầm cố lấy tiền ăn tiêu một mình. Bị cáo Á là người giúp sức, bị cáo giới thiệu bạn đến đón bị cáo N, tạo điều kiện cho bị cáo N thực hiện việc phạm tội.

[5]. Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo Á nhờ bạn đến đón bị cáo N, sau đó bị cáo N bằng thủ đoạn gian dối mượn xe để đi mua đồ đã cầm cố xe mượn để lấy tiền ăn tiêu cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[6]. Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Bị cáo N có nhân thân xấu, đã bị xét xử về hình sự và bị cáo bị UBND xã Đan Hội huyện Lục Nam ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vì đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo Á chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo Á phạm tội chưa đủ 18 tuổi, do vậy cần áp dụng các quy định về xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Á phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo N khi hành vi bị phát hiện đã ra đầu thú, bị cáo N đã tác động đến gia đình và gia đình đã bồi thường thiệt hại cho bị hại. Các bị cáo đều được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần xem xét, áp dụng khi quyết định hình phạt. Đối với bị cáo N được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Á được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7.1]. Đối với ý kiến của luật sư và đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự thì thấy: Tài sản bị cáo N, bị cáo Á chiếm đoạt của anh D là chiếc xe mô tô là phương tiện đi lại của gia đình anh D, bị cáo N đã đem xe đi cầm được số tiền 3.600.000 đồng, do vậy ý kiến của Luật sư và đại diện viện kiểm sát áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không phù hợp, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Bị cáo N phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội từ hai lần trở lên theo quy định tại điểm g

khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Á không phải chịu tình tiết tăng nặng nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[9]. Bị cáo Á có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có địa chỉ cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, tuổi còn trẻ, suy nghĩ còn bông bột, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Việc không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm. Để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, nên không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Điều 65 và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo.

[9.1]. Đối với ý kiến của Luật sư đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Á thì thấy: Trong vụ án bị cáo Á với vai trò là giúp sức, do vậy hành vi của bị cáo dẫn đến việc phạm tội của bị cáo N, do bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi vì vậy áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước và tạo điều kiện cho bị cáo trở thành công dân tốt, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của Luật sư.

[10]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm ổn định, bị cáo Á chưa đủ 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo N đã bồi thường cho anh Q 5.000.000 đồng, nay anh Q không yêu cầu bồi thường, anh D đã nhận lại xe, anh Dũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Kh đã được gia đình bị cáo N trả số tiền cầm xe nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11]. Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động Iphone 5s của bị cáo Ninh sử dụng liên lạc với bị cáo Ánh để thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[12]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58, 38 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Đình N

- Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 17, 58, 65, 91 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Đức Á.

- Căn cứ Điều 331, Điều 333, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

2. Hình phạt:

2.1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/4/2022.

2.2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức Á 08 (tám) tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

5. Về vật chứng của vụ án: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 5s của bị cáo Nguyễn Đình N

(Vật chứng của vụ án được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng theo Quyết định chuyển vật chứng số 32/QĐ-VKSYD ngày 02/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng).

6. Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Á, luật sư bào chữa cho bị cáo Á, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

8. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Công an huyện Yên Dũng;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo